

Số: /TB-THHT

Vĩnh Hòa, ngày tháng 8 năm 2025

THÔNG BÁO
Công khai về kết quả giáo dục thực tế
Năm học 2024-2025

1. Kết quả tuyển sinh vào lớp 1; tổng số HS theo từng khối; số HS bình quân trên lớp; số lượng HS học 2 buổi/ngày; số lượng HS nam, nữ, HS là người dân tộc thiểu số, HS khuyết tật

Khối lớp	Số lớp	Số HS	Nam	Nữ	Bình quân/lớp	Số HS học 2 buổi/ngày	HSDT	HSK T
Khối 1	4	121	65	58	30,75	121	3	1
Khối 2	3	121	61	59	40	121		1
Khối 3	3	115	69	46	38,3	115		1
Khối 4	3	121	66	55	40,3	121	1	0
Khối 5	3	121	70	51	40,3	121		1
Tổng	16	599	329	271	37,5	599	4	4

2. Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ GD&ĐT

Khối / Lớp	Số	ĐÁNH GIÁ GIÁO DỤC			
		Hoàn thành xuất sắc	Hoàn thành tốt	Hoàn thành	Chưa hoàn thành
Tổng Số	599	294	165	139	1
Khối 1	121	68	26	27	
1A	28	16	5	7	
1B	31	15	10	6	
1C	32	20	5	7	
1D	30	17	6	7	
Khối 2	121	64	31	25	1
2A	38	21	11	6	
2B	43	21	11	11	
2C	40	22	9	8	1
Khối 3	115	47	39	29	
3A	37	11	16	10	
3B	40	20	11	9	

3C	38	16	12	10	
Khối 4	121	52	37	32	
4A	40	14	14	12	
4B	40	20	9	11	
4C	41	18	14	9	
Khối 5	121	63	32	26	
5A	41	20	12	9	
5B	41	22	12	7	
5C	39	21	8	10	

- Khen thưởng học sinh cuối năm:

Khối / Lớp	Số	T.Số H.Sinh có khen thưởng	Khen thưởng			
			Khen thưởng cấp trường			Khen thưởng cấp trên
			Tổng	Cuối năm	Đợt Xuất	
Tổng Số	599	475	443	443		32
Khối 1	121	96	94	94		2
1A	28	21	21	21		
1B	31	26	25	25		1
1C	32	25	25	25		
1D	30	24	23	23		1
Khối 2	121	99	92	92		7
2A	38	35	30	30		5
2B	43	34	32	32		2
2C	40	30	30	30		
Khối 3	115	86	85	85		1
3A	37	27	27	27		
3B	40	31	30	30		1
3C	38	28	28	28		
Khối 4	121	95	89	89		6
4A	40	29	28	28		1
4B	40	32	29	29		3
4C	41	34	32	32		2
Khối 5	121	99	83	83		16
5A	41	27	20	20		7
5B	41	37	34	34		3
5C	39	35	29	29		6

3. Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình lớp học, chương trình tiểu học

Lớp	Tổng số học sinh	Hoàn thành chương trình lớp học		Hoàn thành chương trình Tiểu học		Kiểm tra lại, rèn luyện lại HK trong hè	
		SL	TL	SL	TL	SL	TL
1A	28	28	100.0				
1B	31	31	100.0				
1C	32	32	100.0				
1D	30	30	100.0				
Tổng khối 01	121	121	100.0				
2A	38	38	100.0				
2B	43	43	100.0				
2C	40	39	97.5			1	2.5
Tổng khối 02	121	120	99.2				
3A	37	37	100.0				
3B	40	40	100.0				
3C	38	38	100.0				
Tổng khối 03	115	115	100.0				
4A	40	40	100.0				
4B	40	40	100.0				
4C	41	41	100.0				
Tổng khối 04	121	121	100.0				
5A	41	41	100.0	41	100.0		
5B	41	41	100.0	41	100.0		
5C	39	39	100.0	39	100.0		
Tổng khối 05	121	121	100.0	121	100.0		
TỔNG SỐ	599	598	99,8	121	100.0	1	0,16

Nơi nhận :

- UBND, Phòng VH-XH (để bc);
- CBGV, NV;
- Website;
- Lưu: CM.

QUYỀN HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Tri